

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/DS-ST

Ngày: 10-5-2019

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Nam.

Bà Nguyễn Thị Thúy Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thom – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018, về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hồ Thị Thúy A, sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Dương Ngọc S, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Phạm Thị Kim H, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị P, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Thị Thúy A trình bày:***

Vào ngày 10/01/2018, vợ chồng anh Dương Ngọc S và Phạm Thị Kim H nhờ chị A mượn dùm 20.000.000 đồng; nên chị A qua nhà bà Nguyễn Thị P mượn 20.000.000 đồng rồi cho anh S và chị H mượn lại. Anh S và chị H hứa 30 ngày trả lại tiền và tiền lãi 2%/tháng cho chị A để trả cho bà P; nhưng anh S, chị H không trả. Đến ngày 13/7/2018, chị A đến gặp anh S và chị H yêu cầu trả tiền thì anh S viết tờ cam kết hứa trong thời hạn 15 ngày trả tiền, nhưng vẫn không trả. Khi anh S viết giấy cam kết trả nợ, anh S có giao cho chị A bản chính sổ hộ khẩu của anh S và giấy chứng minh nhân dân của anh S cho chị A giữ cho đến nay. Chị A mượn 20.000.000 đồng của bà P; chị A đã trả xong tiền cho bà P. Chị A không có tranh chấp tiền với bà P.

Tại phiên tòa, chị A yêu cầu anh S và chị H liên đới trả lại cho chị A số tiền 20.000.000 đồng và lãi suất 0,75%/tháng, tính từ ngày 10/01/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra chị A không yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn anh Dương Ngọc S và chị Phạm Thị Kim H vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.***

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P có đơn xin vắng mặt, nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 30/01/2019, bà P trình bày:***

Vào ngày 10/01/2018, bà P có cho chị A vay 20.000.000 đồng; chị A cho ai vay lại bà P không biết; chị A đã trả tiền xong cho bà P. Nay việc tranh chấp giữa chị A với anh S và chị H, bà P không có ý kiến gì. Bà P không có tranh chấp tiền với chị A.

Ngoài ra bà P không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, cần áp dụng giải quyết theo điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

[2] Xét thấy bị đơn anh Dương Ngọc S và chị Phạm Thị Kim H đã được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, giấy triệu tập dự phiên họp, hòa giải và xét xử hợp lệ, đúng theo quy định của pháp luật, nhưng anh S, chị H vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh S và chị H là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Xét chị A yêu cầu anh S và chị H liên đới trả lại cho chị A số tiền 20.000.000 đồng và lãi suất như trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở. Bởi lẽ, theo chị A trình bày: Vào ngày 10/01/2018, chị A có vay của bà P số tiền 20.000.000 đồng rồi cho anh S và chị H vay lại 20.000.000 đồng. Chị A có cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của chị A là bản chính tờ cam kết trả nợ ngày 13/7/2018 cho rằng do anh S viết và có chữ ký, chữ viết họ tên của anh S và chị H có nội dung: “*Tôi: Dương Ngọc S, SN 1978. Cư ngụ ấp B, xã T, huyện G, TG. Vào ngày 10/01/2018 do bị xã hội đen dí, nên tôi, vợ là Phạm Thị Kim H có nhờ chị Hồ Thị Thúy A mượn dùm 20 triệu (Hai mươi triệu đồng). Tôi hứa 30 ngày sẽ trả lại, đưa sổ hộ khẩu + CMND cho chị A cất giữ. Nhưng do đứa con trai út bị bệnh, vì vậy thất hứa với chị A. Tôi cam kết trong vòng 15 ngày sẽ trả đủ 20 triệu, lãi suất 2%/tháng tính từ ngày 10/01/2018. Nếu sai tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật./*” (bút lục số 26). Tòa án đã nhiều lần tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và nội dung các tài liệu, chứng cứ đã được công bố và yêu cầu khởi kiện của chị A cho anh S, chị H biết; nhưng anh S, chị H vẫn vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến; chứng tỏ anh S, chị H đã từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ, gây thiệt thòi quyền lợi của chị A. Do đó, chị A khởi kiện yêu cầu anh S và chị H liên đới trả lại cho chị A số tiền nêu trên là có cơ sở, nên chấp nhận.

- Xét chị A yêu cầu anh S và chị H liên đới trả tiền lãi 0,75%/tháng của số tiền 20.000.000 đồng, tính từ ngày 10/01/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở. Bởi lẽ, anh S và chị H vi phạm thời gian trả tiền, nên phải chịu tiền lãi

là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Thời gian chị A yêu cầu tính lãi suất từ ngày 10/01/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 10/5/2019 là 16 tháng. Như vậy lãi suất được tính như sau: 20.000.000đồng x 16 tháng x 0,75% = 2.400.000 đồng. Do đó buộc anh S và chị H liên đới trả cho chị A số tiền lãi là 2.400.000 đồng.

- Xét bà P và chị A không có tranh chấp, đồng thời bà P không có yêu cầu gì trong vụ án, nên không xem xét. Nếu sau này bà P với chị A có tranh chấp thì yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A. Buộc anh S và chị H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị A số tiền 22.400.000 đồng (trong đó vốn 20.000.000 đồng và lãi là 2.400.000 đồng), trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Anh S và chị H phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở; nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Thúy A.

- Buộc anh Dương Ngọc S và chị Phạm Thị Kim H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Hồ Thị Thúy A số tiền 22.400.000 đồng (*Hai mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng*).

Trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí:

+ Anh S và chị H phải liên đới nộp 1.120.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho chị A tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng theo biên lai thu số 39859 ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Chị A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S, chị H, bà P vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu